

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định này quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ).</p> <p>2. Quy định này quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 15, điểm g khoản 2 Điều 18, điểm k khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính).</p>	<p>Xác định các điều, khoản tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể.</p>
<p>Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định đối tượng áp dụng:</p> <p>"a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;</p> <p>b) Các đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>c) Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước".</p> <p>Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định đối tượng áp dụng:</p> <p>"1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước."</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội.</p> <p>2. Các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.</p> <p>3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách thành phố Hà Nội.</p>	<p>Xác định các nhóm đối tượng áp dụng của thành phố Hà Nội.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã, bảo đảm việc trình, quyết định và giao dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và đơn vị được giao dự toán tại cấp xã hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước</i>”.</p>	<p>Điều 3. Lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã</p> <p>1. Thời gian lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 23 tháng 12.</p> <p>b) Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 26 tháng 12.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị được giao dự toán trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 3 Điều 16 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, quy định rõ thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã trong trường hợp dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã chưa được HĐND cấp xã quyết định và trường hợp UBND thành phố Hà Nội giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, để đảm bảo yêu cầu chung phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị được giao dự toán trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước.</p>
<p>Tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “<i>Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ) phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương</i>”.</p>	<p>Điều 4. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</p> <p>1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:</p> <p>a) Cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan quản lý địa bàn thành phố Hà Nội, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí và các khoản thu khác và các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.</p> <p>b) Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của Thành phố), đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.</p> <p>c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc Thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan, gửi Sở Tài chính kèm báo cáo dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị mình trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.</p> <p>2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố quy định cụ thể thời gian các đơn vị dự toán ngân sách và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi báo cáo dự toán, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ cho phù hợp.</p> <p>3. Hằng năm, căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ hướng dẫn cụ thể việc xây dựng dự toán ngân sách năm sau phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của Thành phố.</p> <p>4. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Thực hiện theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 07.1, 08.1, từ số 10.1 đến số 14.2, từ số 16 đến số 17, từ số 22 đến số 26 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và theo văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ thời gian, mẫu biểu lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, để tạo thuận lợi, thống nhất trong triển khai thực hiện cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách hằng năm góp phần đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng dự toán ngân sách địa phương của Thành phố theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “<i>Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương</i>”.</p>	<p>Điều 5. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương, bao gồm:</p> <p>1. Quyết định giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính (kèm theo các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 37 đến số 46 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán).</p> <p>2. Báo cáo thuyết minh phương án phân bổ dự toán ngân sách, trong đó thể hiện rõ: Nguyên tắc, tiêu chí và căn cứ phân bổ; tổng mức và cơ cấu phân bổ theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi; phân bổ chi tiết theo từng đơn vị trực thuộc. Trường hợp nhiệm vụ chi thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh việc đảm bảo điều kiện áp dụng quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các tài liệu, số liệu liên quan khác phục vụ công tác kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tài chính; các nhiệm vụ chi ủy quyền thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền.</p> <p>Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo và kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương</p> <p>1. Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định giao dự toán, đơn vị dự toán cấp I phải gửi đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 5 Quy định này đến cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra.</p> <p>2. Cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I theo quy định tại Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 19 của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở các tài liệu báo cáo thuyết minh do đơn vị cung cấp. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Sau khi điều chỉnh, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ những loại tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương; thời hạn gửi báo cáo và kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương, để tạo thuận lợi, thống nhất trong triển khai thực hiện cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và có cơ sở để cơ quan tài chính kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I.</p>
<p>Tại điểm a khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “... Căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng cho ngân sách cấp xã phù hợp với thực tế của địa phương”;</p> <p>Tại điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: ... “Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này. Đối với chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc rút dự toán của ngân sách cấp xã phù hợp với thực tế ở địa phương”.</p>	<p>Điều 7. Chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã</p> <p>1. Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:</p> <p>a) Việc rút dự toán thực hiện theo tiến độ thu ngân sách Thành phố và nhu cầu chi thực tế của ngân sách cấp xã, bảo đảm cân đối ngân sách trong phạm vi dự toán được giao.</p> <p>b) Mức rút dự toán hằng tháng: Cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức dự toán bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định.</p> <p>2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:</p> <p>a) Căn cứ vào chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.</p> <p>b) Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách cấp Thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>	<p>Cụ thể hóa điểm a, b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ căn cứ, mức rút dự toán chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã, để thuận lợi trong triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn ngân quỹ nhà nước, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cấp xã.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Tại điểm g khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước theo thời hạn và mẫu biểu báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định</i>”.</p> <p>Tại điểm k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước</i>”.</p> <p>Tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “<i>Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật</i>”.</p>	<p>Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước</p> <p>1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 29 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:</p> <p>a) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch báo cáo cơ quan tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 55 đến số 56.1 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 kèm theo Quy định này.</p> <p>Chậm nhất là ngày 07 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.</p> <p>b) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp mình chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm theo mẫu biểu số 05 kèm theo Quy định này.</p> <p>Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp Thành phố, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp Thành phố chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất trước ngày 20 sau ngày kết thúc quý.</p> <p>c) Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã theo mẫu biểu số 06 kèm theo Quy định này.</p> <p>d) Trước ngày 10 tháng 3 hằng năm, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Bộ Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố Hà Nội theo mẫu biểu số 07 kèm theo Quy định này. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.</p> <p>đ) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách các cấp của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật Ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính các cấp chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về dự toán thu, chi ngân sách đã được điều chỉnh.</p>	<p>Cụ thể hóa điểm g, k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước của các cấp ngân sách và các cơ quan, đơn vị liên quan của thành phố Hà Nội, để tạo thuận lợi, rõ ràng, thống nhất trong triển khai thực hiện; nâng cao trách nhiệm báo cáo, giải trình của các cơ quan, đơn vị. Qua đó, cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được tình hình thực hiện NSNN của các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới, đồng thời đảm bảo yêu cầu, thời hạn UBND Thành phố báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực HĐND, HĐND Thành phố theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>
<p>Tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính đảm bảo thời hạn tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 32 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ</i>”.</p>	<p>Điều 9. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước</p> <p>1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp:</p> <p>a) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 10 tháng 02 năm sau.</p> <p>b) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 3 năm sau.</p> <p>c) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan tài chính chưa nhận được báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thì cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Đối với các đơn vị có sử dụng kinh phí ủy quyền, kinh phí bổ sung có mục tiêu: Phải thực hiện quyết toán riêng phần kinh phí này và gửi cùng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Căn cứ thời hạn gửi báo cáo quyết toán quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã quy định thời gian các đơn vị dự toán ngân sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi báo cáo quyết toán ngân sách, quyết toán thu, chi tài chính của quỹ, đảm bảo thời gian tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ các mốc thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính đảm bảo thời hạn tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 32 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, để tạo thuận lợi, rõ ràng trong triển khai thực hiện; nâng cao trách nhiệm báo cáo, giải trình của các cơ quan, đơn vị. Qua đó, đảm bảo yêu cầu, thời hạn quyết toán NSNN của toàn Thành phố theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung sau:</p> <p>a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp tỉnh quản lý;</p> <p>b) Số liệu dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao;</p> <p>c) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm đã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>d) Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn”.</p>	<p>Điều 10. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 kèm theo Quy định này.</p> <p>Điều 11. Cơ quan thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố; kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý; tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách địa phương 1. Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định. Ủy ban nhân dân Thành phố giao; quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân Thành phố phê chuẩn. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định công khai, Sở Tài chính thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. 2. Sở Tài chính chủ động thực hiện công khai các nội dung sau: a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý. b) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm đã báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính để hướng dẫn cụ thể để UBND cấp xã thuận lợi trong việc triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất.</p> <p>Cụ thể hóa khoản 2 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, quy định rõ cơ quan thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố; kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý; tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách địa phương, trong đó đẩy mạnh phân cấp phân quyền để đảm bảo sự chủ động, kịp thời đáp ứng yêu cầu về thời hạn công khai NSNN theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>
<p>Tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã theo mẫu biểu về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 18 Thông tư này”.</p> <p>Tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp xã”.</p>	<p>Điều 12. Chế độ báo cáo công khai ngân sách 1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; đồng thời gửi dữ liệu điện tử báo cáo vào nền tảng Cơ sở dữ liệu về tài chính của thành phố Hà Nội (dữ liệu phải được ký số theo quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản pháp luật có liên quan), gửi qua hệ thống Công khai ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo hướng dẫn của Sở Tài chính và quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. 2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố và cấp xã quy định việc báo cáo công khai ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, công khai tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>Cụ thể hóa khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, quy định rõ chế độ báo cáo công khai ngân sách của Thành phố để nâng cao trách nhiệm báo cáo, giải trình của các cơ quan, đơn vị và giám sát việc chấp hành chế độ công khai NSNN của các cơ quan, đơn vị.</p>
	<p>Điều 13. Điều khoản thi hành 1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng tại Quy định này được hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó. 2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo thẩm quyền./.</p>	<p>Quy định để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.</p>